**CHUYÊN ĐỀ 13. HAI TAM GIÁC BẰNG NHAU TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ NHẤT CỦA TAM GIÁC**

**PHẦN I. TÓM TẮT LÍ THUYẾT**

# Hai tam giác bằng nhau

**+** Hai tam giác *ABC* và

*A*′*B*′*C*′ bằng nhau nếu chúng có các cạnh tương ứng bằng nhau và các

góc tương ứng bằng nhau.

*A A'*

*B C B' C'*

+ Tức là:

Δ*ABC* = Δ*A*′*B*′*C*′ ⇔ ⎪⎧ *AB* = *A*′*B*′, *BC* = *B*′*C*′, *AC* = *A*′*C*′.

⎨

⎪⎩ *A* =

*A*′ , *B* =

*B*′ , *C*

= *C*′

Ở đây hai đỉnh *A* và

*A*′ ( *B* và

*B*′, *C* và *C*′ ) là hai đỉnh tương ứng; hai góc *A* và

*A*′ ( *B*

và *B*′ , *C* và

*C*′ ) là hai góc tương ứng; hai cạnh *AB* và

*A*′*B*′ ( *BC* và

*B*′*C*′, *AC* và

*A*′*C*′ ) là

hai cạnh tương ứng.

# Trường hợp bằng nhau thứ nhất của hai tam giác

**\* Trường hợp bằng nhau cạnh – cạnh – cạnh (c.c.c):** Nếu ba cạnh của tam giác này bằng ba cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau.

+ Tức là: Δ*ABC* và

Δ*A*′*B*′*C*′ có

*AB* = *A*′*B*′, *BC* = *B*′*C*′, *AC* = *A*′*C*′ thì

Δ*ABC* = Δ*A*′*B*′*C*′ .

# PHẦN II. CÁC DẠNG BÀI

**Dạng 1. Bài tập lí thuyết: Viết kí hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác, từ kí hiệu bằng nhau của hai tam giác suy ra các cạnh – góc bằng nhau.**

1. **Phương pháp giải:**

+ Từ kí hiệu tam giác bằng nhau suy ra các cạnh và các góc bằng nhau đúng thứ tự tương ứng.

Ví dụ:

Δ*ABC* = Δ*A*′*B*′*C*′ ⇒ ⎪⎧ *AB* = *A*′*B*′, *BC* = *B*′*C*′, *AC* = *A*′*C*′ .

⎨

⎩⎪ *A* =

*A*′ , *B* =

*B*′ , *C*

= *C*′

+ Ngược lại, khi viết kí hiệu tam giác bằng nhau lưu ý kiểm tra lại xem các góc hay cạnh tương ứng đã bằng nhau thỏa mãn yêu cầu đề bài chưa.

1. **Bài tập**

[1] **Bài 1.** Cho biết Δ*ABC* = Δ*HIK* . Hãy viết đẳng thức trên dưới một vài dạng khác.

# Lời giải:

[1] **Bài 2.** Cho

# Lời giải:

Δ*ABC* = Δ*DEF* . Hãy chỉ ra các góc, các cạnh tương ứng bằng nhau.

1. **Bài 3.** Cho

# Lời giải:

Δ*MNP* = Δ*IHG* . Hãy chỉ ra các góc, các cạnh tương ứng bằng nhau.

1. **Bài 4.** Cho hai tam giác bằng nhau: Δ*ABC* và Δ*HIK* . Viết kí hiệu về sự bằng nhau của 2 tam

giác theo thứ tự đỉnh tương ứng, biết rằng:

# Lời giải:

*A* = *H* và

*B* = *I* .

[2] **Bài 5.** Cho hai tam giác bằng nhau: Δ*ABC* và Δ*HIK* . Viết kí hiệu về sự bằng nhau của 2 tam

giác theo thứ tự đỉnh tương ứng, biết rằng:

# Lời giải:

*AB* = *KI*; BC = KH .

[2] **Bài 6.** Cho hai tam giác bằng nhau: Δ*ABC* và Δ*HIK* . Viết kí hiệu về sự bằng nhau của 2 tam

giác theo thứ tự đỉnh tương ứng, biết rằng:

# Lời giải:

*A* = *K* ; *AB* = *IK* .

# Dạng 2. Biết hai tam giác bằng nhau và một số điều kiện, tính số đo góc, độ dài cạnh của tam giác

1. **Phương pháp giải:**

+ Từ kí hiệu tam giác bằng nhau suy ra các cạnh và các góc tương ứng bằng nhau.

+ Lưu ý các bài toán: tổng - hiệu, tổng - tỉ, hiệu – tỉ.

+ Sử dụng định lí tổng ba góc trong một tam giác.

1. **Bài tập**

[1] **Bài 1.** Cho Δ*ABC* = *DEF* với tam giác.

# Lời giải:

[1] **Bài 2.** Cho Δ*ABC* = *DEF* với

*AB* = 7cm, *BC* = 5cm, *DF* = 6cm. Tính các cạnh còn lại của mỗi

*BC* = 6cm, *AB* = 8cm, *DF* = 10cm .

1. Tính các cạnh còn lại của mỗi tam giác.
2. Tính chu vi của mỗi tam giác.

# Lời giải:

1. **Bài 3.** Cho

*HK* =12cm .

# Lời giải:

Δ*ABC* = Δ*IHK* . Tính chu vi của mỗi tam giác, biết rằng

*AB* = 6cm,

*AC* = 8cm ,

1. **Bài 4.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* , biết *A* = 65°, *P* = 30° .
2. Tìm các góc tương ứng bằng nhau.
3. Tính các góc còn lại của hai tam giác.

# Lời giải:

[2] **Bài 5.** Cho Δ*ABC* = Δ*DEF* biết

# Lời giải:

*B* = 50°, *D* = 70°. Tính số đo góc *C* .

[2] **Bài 6.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* . Biết cạnh mỗi tam giác.

# Lời giải:

*AB* + *BC* = 7cm, *MN* − *NP* = 3cm, *MP* = 4cm . Tính độ dài các

[2] **Bài 7.** Cho Δ*ABC* = Δ*IJK* . Biết

# Lời giải:

1. **Bài 8.** Cho Δ*ABC* = Δ*IJK* . Biết giác.

# Lời giải:

*AB* + *BC* = 9cm, *IJ* = 2*JK*, *AC* = 5cm . Tính chu vi mỗi tam giác.

*AB* − *BC* = 10cm,3 *IJ* = 5*JK*, *AC* = 20cm . Tính chu vi mỗi tam

1. **Bài 9.** Cho Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* , biết giác.

# Lời giải:

*A* = 60°, *P* = 3*N* . Tính số đo các góc còn lại của mỗi tam

[3] **Bài 10.** Cho Δ*ABC* = *DEF* với

# Lời giải:

*D* = 30°, 2*B* = 3*C* . Tính số đo các góc của Δ*ABC* .

1. **Bài 11.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* , biết

.

# Lời giải:

1. **Bài 12.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* biết

# Lời giải:

*A* = 40°, *P* − *N* = 10° . Tính số đo các góc còn lại của Δ*MNP*

*A* : *B* : *C* = 3 : 4 : 5 . Tính các góc của Δ*MNP* .

[4] **Bài 13.** Cho Δ*ABC* = Δ*DEF* . Biết 2 tia phân giác trong của góc B và C cắt nhau tại O, tạo

*BOC* = 135°;

# Lời giải:

*E* = 2*F* . Tính các góc của Δ*DEF* .

[4] **Bài 14.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* biết giác này có chu vi là 57 cm .

# Lời giải:

*AB* : *BC* : *AC* = 5 : 6 : 8. Tính các cạnh của Δ*MNP* biết tam

# Dạng 3. Chứng minh hai tam giác bằng nhau theo trường hợp bằng nhau thứ nhất. Từ đó chứng minh các bài toán liên quan: hai đoạn thẳng bằng nhau, hai góc bằng nhau, hai đường thẳng song song - vuông góc, đường phân giác, ba điểm thẳng hàng, ...

1. **Phương pháp giải:**

+ Chỉ ra các tam giác có ba cạnh bằng nhau để suy ra tam giác bằng nhau.

+ Từ tam giác bằng nhau suy ra các cặp cạnh tương ứng bằng nhau, cặp góc tương ứng bằng nhau.

+ Nắm vững các khái niệm: tia phân giác của góc, đường cao của tam giác, đường trung trực của đoạn thẳng, hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc; nắm vững định lí tổng ba góc trong một tam giác, tiên đề Ơ clit để giải các bài toán chứng minh.

1. **Bài toán.**

[1] **Bài 1.** Tìm các tam giác bằng nhau trên hình vẽ, giải thích vì sao?

*P Q*

*S R*

# Lời giải:

[1] **Bài 2.** Tìm các tam giác bằng nhau trên hình vẽ, giải thích vì sao?

*M*

*A B*

*N*

# Lời giải:

1. **Bài 3.** Tìm các tam giác bằng nhau trên hình vẽ, giải thích vì sao?

*A*

*B I C*

# Lời giải:

1. **Bài 4.** Cho đoạn thẳng

*AB* = 6cm. Trên nửa mặt phẳng bờ *AB* , vẽ Δ*ABD* sao cho

*AD* = 4cm

, *BD* = 5cm . Trên nửa mặt phẳng còn lại vẽ Δ*ABE* sao cho

*BE* = 4cm,

*AE* = 5cm. Chứng minh:

a) Δ*ABD* = Δ*BAE* . b) Δ*ADE* = Δ*BED* .

# Lời giải:

[2] **Bài 5.** Cho Δ*ABC* có *AB* = *AC* . Lấy *M* là trung điểm của *BC* . Chứng minh rằng:

a) Δ*AMB* = Δ*AMC* . b)

*BAM* = *CAM* . c)

# Lời giải:

*AM* ⊥ *BC* .

1. **Bài 6.** Cho hình vẽ dưới đây. Chứng minh rằng:
   1. Δ*ABK* = Δ*KHA* . b) *AB* // *HK* . c) *AH* // *BK* .

*A B*

*H K*

# Lời giải:

1. **Bài 7.** Cho Δ*ABC* có *AB* = *AC* . Gọi *M* là trung điểm của *BC* . Chứng minh rằng:
2. *AM* là phân giác của góc *BAC* .
3. *AM* là trung trực của *BC* .

# Lời giải:

[3] **Bài 8.** Cho Δ*ABC* , đường cao *AH* . Trên nửa mặt phẳng bờ *AC* không chứa *B* vẽ Δ*AC*D

sao cho

*A*D = *BC* ; *C*D = *AB* . CMR: *AB* // *C*D và

*AH* ⊥ *A*D .

# Lời giải:

1. **Bài 9.** Cho Δ*ABC* có *AB* = *AC* = *BC* . Giả sử *O* là một điểm nằm trong tam giác sao cho

OA = O*B* = *OC* . Chứng minh rằng: *O* là giao điểm của 3 tia phân giác của

# Lời giải:

*A*; *B*; *C* .

1. **Bài 10.** Cho Δ*ABC* có
2. Δ*ADB* = Δ*ADC*

*AB* = *AC* . Gọi *D* là trung điểm của *BC* . Chứng minh rằng:

1. *AD* là phân giác của *BAC* , *AD* ⊥ *BC* .
2. Trên nửa mặt phẳng bờ *BC* không chứa *A* lấy điểm *E* sao cho *EB* = *EC* .

Chứng minh rằng:

*A*, *E*, *D* thẳng hàng.

# Lời giải:

[4] **Bài 11.** Cho Δ*ABC* có

*AB* = *AC* và

*BAC* = 80° . Tính số đo các góc còn lại của Δ*ABC* .

[4] **Bài 12.** Cho Δ*ABC* có

# Lời giải:

*AB* = *AC* = *BC* . Tính số đo các góc của Δ*ABC* .

# Phần III. BÀI TẬP TỰ LUYỆN

**Dạng 1. Bài tập lí thuyết: Viết kí hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác, từ kí hiệu bằng nhau của hai tam giác suy ra các cạnh – góc bằng nhau.**

[1] **Bài 1.** Cho biết Δ*ABC* = Δ*MNP* . Hãy viết đẳng thức trên dưới một vài dạng khác.

1. **Bài 2.** Cho Δ*MNP* = Δ*OPQ* . Hãy chỉ ra các góc, các cạnh tương ứng bằng nhau.
2. **Bài 3.** Cho hai tam giác bằng nhau: Δ*ABC* và Δ*HIK* . Viết kí hiệu về sự bằng nhau của 2

tam giác theo thứ tự đỉnh tương ứng, biết rằng:

*A* = *I* và

*B* = *K* .

[2] **Bài 4.** Cho hai tam giác bằng nhau: Δ*ABC* và Δ*PQR* . Viết kí hiệu về sự bằng nhau của 2

tam giác theo thứ tự đỉnh tương ứng, biết rằng: *AB* = *PQ*; BC = PR .

1. **Bài 5.** Cho hai tam giác bằng nhau: Δ*MNP* và Δ*HIK* . Viết kí hiệu về sự bằng nhau của 2

tam giác theo thứ tự đỉnh tương ứng, biết rằng: *N* = *K* ; *MN* = *IK* .

1. **Bài 6.** Chứng minh rằng nếu: Δ*MNP* = Δ*NPM* thì Δ*MNP* có 3 cạnh bằng nhau.

# Dạng 2. Biết hai tam giác bằng nhau và một số điều kiện, tính số đo góc, độ dài cạnh của tam giác

[1] **Bài 1.** Cho Δ*ABC* = Δ*IJK* với tam giác.

*AB* = 7cm, *AC* = 8cm, *JK* = 6cm. Tính các cạnh còn lại của mỗi

1. **Bài 2.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* với *BC* = 5cm, *MN* = 5cm, *AC* = 7cm .
2. Tính các cạnh còn lại của mỗi tam giác.
3. Tính chu vi của mỗi tam giác.
4. **Bài 3.** Cho Δ*ABC* = Δ*OPQ* , biết *A* = 55°, *P* = 47°.
5. Tìm các góc tương ứng bằng nhau.
6. Tính các góc còn lại của hai tam giác.

[2] **Bài 4.** Cho Δ*ABC* = Δ*PQR* , biết *B* = 40°, *R* = 30°. Tính các góc còn lại của mỗi tam giác.

1. **Bài 5.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* biết cạnh của Δ*MNP* .

*BC* = 10 cm ,

*MN* : *MP* = 4 : 3 và

*AB* + AC = 14 cm . Tính các

1. **Bài 6.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* với *M* = 40°, 3*B* = 4*C* . Tính số đo các góc của Δ*ABC* .
2. **Bài 7.** Cho Δ*HIK* = Δ*MNP* , biết

.

*H* = 40°, *P* − *N* = 30°. Tính số đo các góc còn lại của Δ*MNP*

1. **Bài 8.** Cho Δ*MNP* = Δ*IJK* . Biết 2 tia phân giác trong của góc *M* và góc *N* cắt nhau tại *O* ,

tạo

*MON* = 120° . Tính các góc của Δ*IJK* biết

*I* = 3 *J* .

# Dạng 3. Chứng minh hai tam giác bằng nhau theo trường hợp bằng nhau thứ nhất. Từ đó chứng minh các bài toán liên quan: hai đoạn thẳng bằng nhau, hai góc bằng nhau, hai đường thẳng song song - vuông góc, đường phân giác, ba điểm thẳng hàng, ...

[1] **Bài 1.** Tìm các tam giác bằng nhau trên hình vẽ, giải thích vì sao?

*I*

*P*

*K*

[1] **Bài 2.** Tìm các tam giác bằng nhau trên hình vẽ, giải thích vì sao?

*B*

*C A*

*D*

1. **Bài 3.** Tìm các tam giác bằng nhau trên hình vẽ, giải thích vì sao?

*S*

1. **Bài 4.** Cho hình vẽ:

*M*

1. Chứng minh rằng

*P*

Δ*MNP* = Δ*PQM* .

1. Biết

*MPN* = 20° , tính số đo góc *PMQ* .

1. **Bài 5.** Cho Δ*ABC* có *A* = 80° . Vẽ cung tròn tâm *B* có bán kính bằng độ dài đoạn *AC* . Vẽ

cung tròn tâm *C* có bán kính bằng độ dài đoạn *AB* . Hai cung tròn này cắt nhau tại *D* nằm khác phía của *A* đối với *BC* .

* 1. Chứng minh Δ*ABC* = Δ*DCB* . Từ đó suy ra số đo góc *BDC* .
  2. Chứng minh *AB* // *CD* .

1. **Bài 6.** Cho Δ*ABC* có *AB* < *AC* . Trên cạnh *AC* lấy điểm *E* sao cho *CE* = *AB* . Gọi *I* là một

điểm sao cho

*IA* = *IC* ,

*IB* = *IE* . Chứng minh rằng:

* 1. Δ*AIB* = Δ*CIE*
  2. So sánh *IAB* và *ACI* .

1. **Bài 7.** Cho Δ*ABC* có *AB* = *AC* . Gọi *M* là trung điểm của *BC* .
   1. Chứng minh rằng: *AM* là phân giác của *BAC*
   2. Chứng minh rằng: *AM* là đường trung trực của đoạn thẳng *BC* .
   3. Trên nửa mặt phẳng bờ *BC* chứa *A* lấy điểm *E* sao cho *EB* = *EC* .

Chứng minh rằng: *A*, *E*, *M* thẳng hàng.

[4] **Bài 8.** Cho Δ*ABC* có

*AB* = *AC* và

*BAC* = 60° . Tính số đo các góc còn lại của Δ*ABC* .

[4] **Bài 9.** Cho tam giác nhọn *ABC* . Giả sử *O* là một điểm nằm trong tam giác sao cho

OA = O*B* = *OC* . Chứng minh rằng: *O* là giao điểm của ba đường trung trực của ba cạnh Δ*ABC*

.

**ĐÁP SỐ BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

**Dạng 1. Bài tập lí thuyết: Viết kí hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác, từ kí hiệu bằng nhau của hai tam giác suy ra các cạnh – góc bằng nhau.**

[1] **Bài 1.** Cho biết Δ*ABC* = Δ*MNP* . Hãy viết đẳng thức trên dưới một vài dạng khác.

# Lời giải:

1. **Bài 2.** Cho

# Lời giải:

Δ*MNP* = Δ*OPQ* . Hãy chỉ ra các góc, các cạnh tương ứng bằng nhau.

1. **Bài 3.** Cho hai tam giác bằng nhau: Δ*ABC* và Δ*HIK* . Viết kí hiệu về sự bằng nhau của 2 tam

giác theo thứ tự đỉnh tương ứng, biết rằng:

# Lời giải:

*A* = *I* và

*B* = *K* .

[2] **Bài 4.** Cho hai tam giác bằng nhau: Δ*ABC* và Δ*PQR* . Viết kí hiệu về sự bằng nhau của 2 tam

giác theo thứ tự đỉnh tương ứng, biết rằng:

# Lời giải:

*AB* = *PQ*; BC = PR .

1. **Bài 5.** Cho hai tam giác bằng nhau: Δ*MNP* và Δ*HIK* . Viết kí hiệu về sự bằng nhau của 2

tam giác theo thứ tự đỉnh tương ứng, biết rằng:

# Lời giải:

*N* = *K* ; *MN* = *IK* .

1. **Bài 6.** Chứng minh rằng nếu: Δ*MNP* = Δ*NPM* thì Δ*MNP* có 3 cạnh bằng nhau.

# Lời giải:

**Dạng 2. Biết hai tam giác bằng nhau và một số điều kiện, tính số đo góc, độ dài cạnh của tam giác**

[1] **Bài 1.** Cho Δ*ABC* = Δ*IJK* với tam giác.

# Lời giải:

*AB* = 7cm, *AC* = 8cm, *JK* = 6cm. Tính các cạnh còn lại của mỗi

1. **Bài 2.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* với *BC* = 5cm, *MN* = 5cm, *AC* = 7cm .
2. Tính các cạnh còn lại của mỗi tam giác.
3. Tính chu vi của mỗi tam giác.

# Lời giải:

1. **Bài 3.** Cho Δ*ABC* = Δ*OPQ* , biết *A* = 55°, *P* = 47°.
2. Tìm các góc tương ứng bằng nhau.
3. Tính các góc còn lại của hai tam giác.

# Lời giải:

[2] **Bài 4.** Cho Δ*ABC* = Δ*PQR* , biết

# Lời giải:

*B* = 40°, *R* = 30°. Tính các góc còn lại của mỗi tam giác.

1. **Bài 5.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* biết cạnh của Δ*MNP* .

# Lời giải:

*BC* = 10 cm ,

*MN* : *MP* = 4 : 3 và

*AB* + AC = 14 cm . Tính các

1. **Bài 6.** Cho Δ*ABC* = Δ*MNP* với

# Lời giải:

*M* = 40°, 3*B* = 4*C* . Tính số đo các góc của Δ*ABC* .

1. **Bài 7.** Cho Δ*HIK* = Δ*MNP* , biết

# Lời giải:

*H* = 40°, *P* − *N* = 30°. Tính số đo các góc còn lại của Δ*MNP*

1. **Bài 8.** Cho Δ*MNP* = Δ*IJK* . Biết 2 tia phân giác trong của góc *M* và góc *N* cắt nhau tại *O* ,

tạo

*MON* = 120° . Tính các góc của Δ*IJK* biết

*I* = 3 *J* .

# Lời giải:

**Dạng 3. Chứng minh hai tam giác bằng nhau theo trường hợp bằng nhau thứ nhất. Từ đó chứng minh các bài toán liên quan: hai đoạn thẳng bằng nhau, hai góc bằng nhau, hai đường thẳng song song - vuông góc, đường phân giác, ba điểm thẳng hàng, ...**

[1] **Bài 1.** Tìm các tam giác bằng nhau trên hình vẽ, giải thích vì sao?

*I*

*P*

*K*

# Lời giải:

[1] **Bài 2.** Tìm các tam giác bằng nhau trên hình vẽ, giải thích vì sao?

*B*

*C A*

*D*

# Lời giải:

1. **Bài 3.** Tìm các tam giác bằng nhau trên hình vẽ, giải thích vì sao?

*S*

# Lời giải:

1. **Bài 4.** Cho hình vẽ:

*M*

1. Chứng minh rằng

*P*

Δ*MNP* = Δ*PQM* .

1. Biết *MPN* = 20°, tính số đo góc *PMQ* .

# Lời giải:

1. **Bài 5.** Cho Δ*ABC* có *A* = 80° . Vẽ cung tròn tâm *B* có bán kính bằng độ dài đoạn *AC* . Vẽ

cung tròn tâm *C* có bán kính bằng độ dài đoạn *AB* . Hai cung tròn này cắt nhau tại *D* nằm khác phía của *A* đối với *BC* .

* 1. Chứng minh Δ*ABC* = Δ*DCB* . Từ đó suy ra số đo góc *BDC* .
  2. Chứng minh *AB* // *CD* .

# Lời giải:

1. **Bài 6.** Cho Δ*ABC* có *AB* < *AC* . Trên cạnh *AC* lấy điểm *E* sao cho *CE* = *AB* . Gọi *I* là một

điểm sao cho

*IA* = *IC* ,

*IB* = *IE* . Chứng minh rằng:

* 1. Δ*AIB* = Δ*CIE*
  2. So sánh *IAB* và *ACI* .

# Lời giải:

1. **Bài 7.** Cho Δ*ABC* có *AB* = *AC* . Gọi *M* là trung điểm của *BC* .
   1. Chứng minh rằng: *AM* là phân giác của *BAC*
   2. Chứng minh rằng: *AM* là đường trung trực của đoạn thẳng *BC* .
   3. Trên nửa mặt phẳng bờ *BC* chứa *A* lấy điểm *E* sao cho *EB* = *EC* .

# Lời giải:

Chứng minh rằng:

*A*, *E*, *M* thẳng hàng.

[4] **Bài 8.** Cho Δ*ABC* có

# Lời giải:

*AB* = *AC* và

*BAC* = 60° . Tính số đo các góc còn lại của Δ*ABC* .

[4] **Bài 9.** Cho tam giác nhọn *ABC* . Giả sử *O* là một điểm nằm trong tam giác sao cho

OA = O*B* = *OC* . Chứng minh rằng: *O* là giao điểm của ba đường trung trực của ba cạnh Δ*ABC*

.

# Lời giải:

**-HẾT-**